TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2023/DS – ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân* : Ông Lê Thành Chì.
Ông Nguyễn Văn Khoa.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Số nhà 1/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị U: Bà Đào Hồng V, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Số nhà 88/3, ấp B, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2022) (có mặt).

Ông Dương Văn U, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Số nhà 1/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Số nhà 213/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Số nhà 213/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn K: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Số nhà 213/1, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2023) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn bà Nguyễn Thị U ủy quyền cho bà Đào Hồng V trình bày:

Vào ngày 04/9/2019, bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày trả lại cho bà U và ông U. Lý do vay tiền là để trả nợ Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn K, vì ông K vay Ngân hàng quá hạn trả nợ nhưng không có tiền trả.

Sau đó, đã qua thời gian trả nợ nhưng bà H và ông K vẫn không thực hiện việc trả nợ, vợ chồng bà U đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông K trả tiền nhưng vẫn không trả. Nên bà U và ông U khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà H và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U và ông U số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/02/2022 là 28 tháng, với mức lãi suất 0,8%/tháng, với số tiền lãi là 38.080.000 đồng. Tuy nhiên, do ông U có nhận của bà H số tiền 126.000.000 đồng, nên số tiền nợ gốc hiện nay bà H và ông K còn nợ lại bà U và ông U là 44.000.000 đồng.

Tại Tòa hôm nay, bà là người được nguyên đơn Nguyễn Thị U ủy quyền yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 04/02/2022 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án là 28/4/2023 là 14 tháng lẻ 24 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.404.960 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi yêu cầu bà H và ông K liên đới trả là 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Còn việc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U giao trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre thì khi nào bà H và ông K giao trả đủ số tiền nợ cho bà U và ông U thì bà U sẽ trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà H và ông K.

Nguyên đơn ông Dương Văn U *có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung biên bản lấy lời khai, bản tự khai, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án ông Dương Văn* U *trình bày*:

Vào ngày 04/9/2019, ông và bà nguyễn Thị U có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 170.000.000 đồng, khi cho vay bà H có hứa thời gian trả là 30 ngày, nhưng vì bà H làm ăn thất bại nên không trả được như đã hứa, mà mãi qua năm sau bà H có gửi tiền về trả cho ông nhiều lần với tổng số tiền là 126.000.000 đồng. Nên số tiền nợ gốc bà H còn nợ ông và bà U chỉ còn 44.000.000 đồng. Nên, ông yêu cầu bà H và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà U số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng này cùng tiền lãi tính từ ngày 04/02/2022 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Theo nội dung đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai, hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa – bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời được sự ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn K trình bày:

Vào ngày 04/9/2019 bà có mượn của vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U số tiền 170.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng Liên Việt cho chồng bà là ông Nguyễn Văn K. Khi mượn có hẹn 30 ngày sau sẽ trả.

Từ lúc mượn tiền xong, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2021 bà có nhiều lần gửi trả tiền cho ông Dương Văn U có lúc gửi 3.000.000 đồng, lúc 4.000.000 đồng, lúc 10 mấy triệu thông qua cửa hàng Viettel và Điện máy Xanh P, nhưng không có biên nhận hay giấy tờ giao dịch gì. Tổng số tiền bà đã gửi trả cho bà U và ông U, do ông U là người nhận với số tiền là 126.000.000 đồng.

Tại tòa hôm nay, bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn K trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U số tiền 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 04/02/2022 đến ngày Tòa giải quyết xong vụ án là 28/4/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 5.404.960 đồng, nhưng xin được trả dần với cách thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đồng thời, bà và ông Nguyễn Văn K có yêu cầu phản tố đó là yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U giao trả cho bà và ông Nguyễn Văn K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre vì lúc vay tiền bà đã đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà U giữ để làm tin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn K không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U về việc buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/02/2022 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K về việc buộc bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U có nghĩa vụ trả cho bà H và ông K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K trả tiền vay. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có đăng ký thường trú tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông U trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U, ông Dương Văn U với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U, ông U số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng, cùng số tiền lãi tính từ ngày 04/02/2022 đến ngày 28/4/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền là 5.404.960 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu bà H và ông K liên đới trả là 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Tại Tòa, bà H thừa nhận có vay tiền để trả nợ cho ông K và đồng ý trả cho bà U và ông U số tiền nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của bà U và ông U. Do đó, việc bà U và ông U yêu cầu bà H và ông K trả cho bà U và ông U số tiền 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 44.000.000 đồng và nợ lãi là 5.404.960 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Bà U và ông U yêu cầu bà H và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U và ông U số tiền 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N thì giữa bà H và ông K không có

đăng ký kết hôn với nhau. Nhưng việc bà H vay tiền của bà U và ông U là nhằm để trả nợ cho ông K và khi vay tiền có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông K đứng tên cho bà U giữ để làm tin. Cho nên, chứng tỏ ông K biết việc vay tiền này và số tiền vay này theo bà H là nhằm sử dụng vào mục đích trả nợ Ngân hàng cho ông K, bà H đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông K trả nợ. Lẽ đó, có căn cứ buộc bà H và ông K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U và ông U số tiền 49.404.960 đồng.

[5] Về yêu cầu trả dần nợ của bà H: Bà H cho rằng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên xin được trả dần số tiền nợ cho bà U và ông U với cách thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của bà H không được nguyên đơn đồng ý. Do bà H và ông Kđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà U và ông U trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà U và ông U, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U trả cho bà Hvà ông Kgiấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà U thừa nhận khi cho bà Hvay tiền thì bà H có đưa cho bà U giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông nguyễn Văn K đứng tên để làm tin. Bà U đồng ý trả cho bà H và ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ngay khi bà Hvà ông K trả đủ cho bà U và ông U số tiền còn nợ. Lẽ đó, có căn cứ buộc bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp An Định, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre số giấy chứng nhận CH 868818, số vào sổ cấp giấy CH02951 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn Văn K ngày 16/05/2017.

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện việc giao trả tiền và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Đối với bà Trần Thị M, nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng bà M không có liên quan gì đến số tiền vay này, nên không có yêu cầu gì đối với bà M. Bà M cũng có đơn xin không tham gia tố tụng trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đưa bà M tham gia tố tụng.

[8] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà U và ông U cùng yêu cầu phản tố của bà H và ông K được chấp nhận, nên bà H và ông K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền: 49.404.960 đồng x 5% = 2.470.000 đồng. Bà U và ông U liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, do bà U thuộc diện thân nhân gia đình liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên bà U được miễn nộp số tiền án phí mà bà U phải chịu là 150.000 đồng, theo quy định tại điểm

đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Dương Văn U phải chịu án phí với số tiền 150.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, Điều 3, khoản 1 Điều 6, 105, 115, 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U. Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U số tiền 49.404.960 đồng (Bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K buộc bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 27, diện tích 169,4m^2, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre số giấy chứng nhận CH 868818, số vào sổ cấp giấy CH02951 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn Văn K ngày 16/05/2017.

Hai bên có nghĩa vụ thực hiện việc giao trả tiền và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K liên đới chịu án phí với số tiền 2.470.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0001836 ngày 09

tháng 02 năm 2023. Bà Hvà ông K còn phải liên đới nộp thêm số tiền án phí là 2.170.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị U và ông Dương Văn U liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, do bà U thuộc diện thân nhân gia đình liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên bà U được miễn nộp số tiền án phí mà bà U phải chịu là 150.000 đồng, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Dương Văn U phải chịu số tiền án phí là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.601.000 đồng (do bà Nguyễn Thị U nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0007446 ngày 05 tháng 10 năm 2022. Ông U được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.451.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên